**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG 8 TUẦN KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | |  |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | **Tổng**  **% điểm** | |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại và sử thi | **3** | **3** | **1** | **1** | **60** | |
| Truyện |
| Thơ trữ tình |
| Sân khấu dân gian (chèo/tuồng) |
| Văn nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **Số điểm** | **1,5** | **3,0** | **1,0** | **0,5** | **6,0** | |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **1\*** | **40** | |
| Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/tác phẩm văn học |
| Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm |
| Viết bài luận về bản thân |
| Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng |
| **Số điểm** | **1,0** | **1,5** | **1,0** | **0,5** | **4,0** | |
| **Tỉ lệ%** | | | ***25%*** | ***45%*** | ***20%*** | ***10%*** | **100** | |
| **Tổng** | | | **70%** | | **30%** | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG 8 TUẦN KÌ II**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tỉ lệ %** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1. Thần thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Chỉ ra được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của truyện thần thoại.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Lí giải được tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật trong truyện thần thoại.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm thần thoại thuộc những nền văn học khác nhau. |  | ***Theo ma trận ở trên*** |  |  | 60 |
| 2. Sử thi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích / tác phẩm.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong đoạn trích / tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; chỉ ra và phân tích được những căn cứ để xác định chủ đề của văn bản.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Lí giải được tác dụng của việc lựa chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài; các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi; lí giải được mối quan hệ giữa đề tài, chi tiết, câu chuyện và nhân vật trong tính chỉnh thể của sử thi.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật, sự kiện trong sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm sử thi thuộc những nền văn học khác nhau. |
| 3. Truyện. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết lời kể, ngôi kể, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết đề tài, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu trong truyện.  - Nhận biết được những đặc điểm của nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong tác phẩm truyện.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong văn bản truyện.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện và lí giải được mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của việc lựa chọn lời kể, ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm.  - Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật trong tác phẩm.  - Xác định được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm; chỉ ra được những căn cứ để xác định chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.  - Liên hệ để thấy một số điểm gần gũi về nội dung giữa các tác phẩm truyện thuộc những nền văn học khác nhau. |
| 4. Thơ trữ tình. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các biểu hiện của thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ.  - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.  - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa được thể hiện trong bài thơ.  - Nhận biết được những biểu hiện trực tiếp của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  - Phân tích được ý nghĩa, giá trị của hình ảnh, chi tiết tiêu biểu trong bài thơ  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của bài thơ.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ bài thơ.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do bài thơ gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với tình cảm, quan niệm, cách nghĩ của bản thân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn, cách cảm nhận riêng của tác giả về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |
| 5. Kịch bản tuồng, chèo. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Nhận biết được lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại và hành động của nhân vật tuồng, chèo.  - Nhận biết được nhân vật, tuyến nhân vật và cốt truyện trong kịch bản tuồng, chèo.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, tính vô danh, tích truyện trong tuồng, chèo.  - Phân tích, lí giải được tác dụng của cốt truyện, ngôn ngữ, hành động của nhân vật, diễn biến của câu chuyện trong kịch bản tuồng, chèo.  - Phân tích được đặc điểm của nhân vật tuồng, chèo và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  - Phát hiện và lí giải các giá trị đạo đức, văn hóa từ vở tuồng / chèo.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do vở tuồng / chèo gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân về con người, cuộc sống.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |
| 6. Văn nghị luận. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được luận đề chính trong văn bản.  - Nhận biết được luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả.  - Nhận biết được các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Xác định được được nội dung bao quát, tư tưởng chủ đạo của văn bản.  - Xác định và lí giải được mục đích, quan điểm của người viết.  - Lí giải được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản.  - Phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hóa để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân. |
| 7. Văn bản thông tin. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin tổng hợp; văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong văn bản thông tin.  - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được ý nghĩa của đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả.  - Giải thích được mục đích, tác dụng của việc lồng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong vào văn bản  - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản.  - Giải thích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  **Vận dụng:**  Rút ra ý nghĩa hay tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.  **Vận dụng cao:**  - Đánh giá được mức độ chính xác, khách quan của thông tin trong văn bản dựa trên những căn cứ xác đáng.  - Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản |
| **2** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  - Giới thiệu được vấn đề xã hội và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câuTL | 40 |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một đoạn trích/ tác phẩm văn học. | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của đoạn trích/tác phẩm.  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu**:  - Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích/ tác phẩm văn học.  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/ tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ tác phẩm).  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích/ tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 3. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. | **Nhận biết:**  - Nêu được thói quen hay quan niệm mang tính tiêu cực, cần phải từ bỏ.  - Xác định rõ được mục đích (khuyên người khác từ bỏ thói quen / quan niệm), đối tượng nghị luận (người / những người mang thói quen / quan niệm mang tính tiêu cực).  **-** Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Trình bày được những khía cạnh mang tính tiêu cực, bất lợi của thói quen / quan niệm; những lợi ích của việc từ bỏ thói quen / quan niệm ấy.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Thể hiện được thái độ tôn trọng với đối tượng thuyết phục; chỉ ra được lợi ích của việc từ bỏ thói quen, quan niệm.  - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp của phương thức miêu tả, biểu cảm, … để tăng sức thuyết phục cho lập luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 4. Viết bài luận về bản thân. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của bài luận về bản thân.  - Xác định được đúng đề tài, đối tượng của bài luận về bản thân.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận  **Thông hiểu:**  - Thể hiện được mục đích của bài luận; đảm bảo sự phù hợp giữa mục đích, đối tượng và cách thức trình bày bài luận.  - Trình bày được những năng lực, sở trường, quan niệm của bản thân tùy theo mục đích viết luận.  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  Thể hiện thái độ khiêm tốn, cầu thị, tự tin của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng hợp lí sự kết hợp của các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài luận.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.  - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. |
| 5. Viết bản nội quy hoặc bản hướng dẫn nơi công cộng. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được đúng yêu cầu về nội dung và hình thức của văn bản.  - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.  - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ quy trình, các bước thực hiện một công việc hoặc tham gia một hoạt động nơi công cộng.  - Đảm bảo cấu trúc sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan.  - Trình bày đúng hình thức, thể thức văn bản; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Sử dụng những chỉ dẫn, hướng dẫn cụ thể phù hợp với mục đích, đối tượng.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp sáng tạo giữa kênh chữ và kênh hình.  - Vận dụng hiểu biết những kiến thức Tiếng Việt lớp 10 để diễn đạt nội dung bài viết; đảm bảo sinh động, hấp dẫn. |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **30%** | **40%** | **20%** | **10%** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT NAM ĐỊNH  **TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH** | **ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG 8 TUẦN KÌ II**  **Môn: NGỮ VĂN 10**  Thời gian làm bài : 90 phút  *(Đề thi gồm có 02 trang)* |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

1. **ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Đời con thưa dần mùi khói*

*Mẹ già nua như những buổi chiều*

*lăng lắc tuổi xuân, lăng lắc niềm thôn dã*

*bếp lửa ngày đông…*

*Mơ được về bên mẹ*

*ao xưa, mảnh vườn nhỏ ngày xưa*

*bậc thềm giàn giụa trăng mỗi tối.*

*Bên những hoàng hôn loang lổ gò đồi*

*mùi lá bạch đàn xộc vào giấc ngủ*

*con về yêu mái rạ cuộc đời.*

*Một sớm vắng*

*ùa lên khói bếp*

*về đây củi lửa*

*ngày xưa…*

(*Củi lửa*-Dương Kiều Minh, NXB Tác phẩm mới, 1989)

**✡Chú thích:**

Dương Kiều Minh (1960-2012) là tác giả tiêu biểu của thơ Việt Nam đương đại. Ông được coi là gương mặt thơ cách tân sáng danh của thế hệ nhà thơ xuất hiện sau 1975. Thời điểm đó, thi đàn Việt Nam đứng trước nhu cầu đổi mới thơ Việt. Cùng với một vài nhà thơ khác, Dương Kiều Minh đã góp phần khởi động mạnh mẽ công cuộc cách tân thơ Việt lúc bấy giờ.

Bài thơ *Củi lửa* được in trong tập thơ cùng tên của ông (1989).

**Trả lời những câu hỏi sau**

**Câu 1 (0.5đ)** Xác định nhân vật trữ tình của văn bản

**Câu 2 (0.5đ)** Những hình ảnh quê nhà quen thuộc nào được nhắc đến trong khổ 2?

**Câu 3** **(0.5đ)** Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong văn bản.

**Câu 4 (1.0đ)** Văn bản thể hiện những xúc cảm tâm trạng gì của người con khi đã rời xa mẹ?

**Câu 5** **(1.0đ)** Nhận xét về hình ảnh khói bếp được nhắc đến trong văn bản.

**Câu 6 (1.0đ)** Thông điệp chính được gửi gắm qua văn bản là gì?

**Câu 7 (1.0đ)** Qua cảm nhận của tác giả về người mẹ và tình mẹ, anh/chị rút ra bài học ứng xử gì trong cuộc sống?

**Câu 8 (0.5đ)** Theo anh/chị những kí ức đẹp đẽ của tuổi thơ quan trọng như thế nào trong hành trình trải nghiệm và trưởng thành của mỗi người? (Trả lời bằng một đoạn văn 5-7 câu)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Củi lửa* (Dương Kiều Minh).

**….................. Hết …..................**

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)*

|  |  |
| --- | --- |
| *(Hướng dẫn chấm có 03 trang)* | **HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG**  **8 TUẦN KÌ II**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  **Môn: NGỮ VĂN 10** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | Nhân vật trữ tình của văn bản: Người con/Con/Người con đang xa quê | 0.5 |
| **2** | Những hình ảnh quê nhà quen thuộc được nhắc đến trong khổ 2 là:  *Mẹ, ao xưa, mảnh vườn nhỏ, bậc thềm giàn giụa trăng*  - HS trả lời được 1-2 hình ảnh: 0.25đ  - HS trả lời được 3-4 hình ảnh: 0.5đ | 0.5 |
| **3** | Những từ láy được sử dụng trong văn bản là: *lăng lắc, giàn giụa, loang lổ*  - HS trả lời được 1 từ: 0.25đ  - HS trả lời được 2-3 từ: 0.5đ | 0.5 |
| **4** | Những xúc cảm tâm trạng của người con khi đã rời xa mẹ được thể hiện trong văn bản là:  - Nhớ thương mẹ và những hình ảnh quê nhà quen thuộc gắn liền với kí ức tuổi thơ  - Mong ước được trở về với những tháng ngày thơ bé, được trở về với mẹ và quê nhà  - Yêu thương mẹ, yêu thương quê nhà.  *HS trả lời được 1ý cho 0.5đ*  *HS trả lời được 2 ý: 0.75đ*  *HS trả lời được 3 ý cho 1.0đ*  *Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng vẫn chạm được đáp án* | 1.0 |
| **5** | Nhận xét về *hình ảnh khói bếp* được nhắc đến trong văn bản:  - Vị trí: Được nhắc tới hai lần, ở đầu và cuối văn bản.  - Ý nghĩa: là điểm nhấn trong kí ức tuổi thơ của nhân vật trữ tình, gắn liền với mẹ với ngôi nhà quen thuộc.  *HS trả lời được 1ý cho 0.5đ*  *HS trả lời được 2 ý cho 1.0đ*  *Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng vẫn chạm được đáp án* | 1.0 |
| **6** | Thông điệp chính được gửi gắm qua văn bản là: Hãy biết yêu thương trân trọng cha mẹ và gắn bó với quê hương | 1.0 |
| **7** | HS nêu bài học ứng xử theo cách cảm nhận của bản thân  Một số gợi ý: yêu thương, hiếu thảo với cha mẹ, trân trọng những khoảnh khắc được ở bên người thân, giá trị của hạnh phúc gia đình,…. | 1.0 |
| **8** | - Nêu quan niệm của bản thân về ý nghĩa của những kí ức tuổi thơ đẹp đẽ trong hành trình trải nghiệm và trưởng thành của mỗi người (0.25đ)  - Lí giải hợp lý (0.25đ) | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Nội dung và nghệ thuật của bài thơ* Củi lửa (Dương Kiều Minh) | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.5 |
|  | - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và nội dung bao quát của tác phẩm bài thơ *“Củi lửa”*  - Đặc điểm về nội dung:  + Bài thơ là những cảm xúc của người con khi đã rời xa mẹ, rời xa quê hương yêu dấu - *Đời con thưa dần mùi khói:*  + Người con thấu hiểu, thấm thía những vất vả, nhọc nhằn, tảo tần khuya sớm, sự hi sinh vô bờ bến của mẹ (*Mẹ già nua như những buổi chiều/lăng lắc tuổi xuân…*)  + Người con khao khát, ước mơ được trở về bên mẹ để được sống lại những kỉ niệm ấm áp thân thương bên mẹ, nơi quê hương yêu dấu (*Mơ được về bên mẹ, Một sớm vắng/ùa lên khói bếp/về đây củi lửa/ngày xưa…; ao xưa, mảnh vườn nhỏ; bậc thềm; những hoàng hôn; mùi lá bạch đàn; mái rạ)*  -Đặc điểm nghệ thuật: Thể thơ tự do giúp tác giả dễ dàng bộc lộ cảm xúc, sống dậy những kỉ niệm, những hồi ức bên mẹ; ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc mà vẫn giàu sức gợi; giọng thơ tha thiết, sâu lắng…  - Đánh giá chung: Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương, lòng biết ơn vô hạn của người con dành cho mẹ; sự gắn bó sâu nặng của người con với quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của mình; từ đó, khơi dậy trong lòng người đọc những giá trị thiêng liêng của tình mẫu tử và tình yêu quê hương đất nước. Bài thơ tiêu biểu cho tiếng thơ mới mẻ của nhà thơ Dương Kiều Minh trên thi đàn Việt Nam thời kì sau đổi mới. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |